

CHÍNH SÁCH THUẾ PHỤC VỤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

Ths. Ngô Hải Anh*

Sau gần 40 năm thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã chuyển đổi mạnh mẽ từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ một quốc gia thu nhập thấp, Việt Nam đã vươn lên nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và đang phấn đấu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2025. Quá trình phát triển đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển bền vững. Chính sách thuế, với vai trò là công cụ điều tiết vĩ mô, không chỉ góp phần huy động nguồn lực cho ngân sách nhà nước, mà còn hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về môi trường và xã hội. Bài viết phân tích một số chính sách thuế chủ yếu phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện trong thời gian tới.

• Từ khóa: chính sách thuế, phát triển bền vững, phát triển kinh tế, công bằng xã hội, môi trường.

After nearly 40 years of renovation, Vietnam has undergone a strong transformation from a centrally planned economy to a socialist-oriented market economy. From a low-income country, Vietnam has risen to the lower-middle-income group and is striving to become an upper-middle-income nation by 2025. This development process presents an urgent need to ensure that economic growth is accompanied by sustainable development. As a macroeconomic regulatory instrument, tax policy not only contributes to mobilizing resources for the state budget but also supports the achievement of environmental and social objectives. This paper analyzes several key tax policies serving sustainable development in Vietnam, evaluates their outcomes, identifies limitations, and proposes recommendations for improvement in the coming period.

• Key words: tax policy, sustainable development, economic development, social equity, environment.

Ngày nhận bài: 05/10/2025

Ngày gửi phản biện: 11/10/2025

Ngày duyệt đăng: 20/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i301.06>

1. Khái quát về phát triển bền vững

Theo Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam (Chính phủ, 2012), phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: Kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững. Do vậy, hệ thống hoàn chỉnh các nguyên tắc đạo đức cho phát triển bền vững bao gồm các nguyên tắc phát triển bền vững trong cả ba yếu tố: Kinh tế, xã hội, môi trường.

Thứ nhất, phát triển bền vững về kinh tế, nghĩa là sự tăng trưởng kinh tế ổn định và có thể tự duy trì trong tương lai, đồng thời hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến

môi trường và bảo đảm hài hòa lợi ích cho các chủ thể. Một trong những chỉ số quan trọng đánh giá tăng trưởng kinh tế của một quốc gia là tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tuy nhiên, để hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững thì tăng trưởng GDP chỉ là một trong nhiều điều kiện cần. Bên cạnh đó là song hành với các điều kiện khác như: Có sự tăng trưởng bình quân GDP đầu người; Hạn chế lãng phí năng lượng và tài nguyên; Hạn chế gây hại đa dạng sinh học và môi trường; Bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên và tiện ích tối thiểu phục vụ đời sống; Xóa đói, giảm nghèo hoàn toàn.

Thứ hai, phát triển bền vững về xã hội, hướng tới một xã hội công bằng, nhân văn, trong đó mọi người đều có cơ hội phát triển và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu. Các chính sách xã hội cần chú trọng bình đẳng giới, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quá trình hoạch định chính sách. Phát triển bền vững về xã hội gồm một số nội dung chính: Ổn định dân số; Phát triển nông thôn để giảm sức ép di dân vào đô thị; Giảm thiểu tác động xấu của môi trường đến đô thị hóa; Nâng cao học vấn, xóa mù chữ; Bảo vệ đa dạng văn hóa; Bình đẳng giới; Tăng cường sự tham gia của dân chúng vào các quá trình ra quyết định.

Thứ ba, phát triển bền vững về môi trường, là bảo đảm chất lượng môi trường sống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc sử dụng tài nguyên phải được song hành với việc bảo tồn thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó bảo đảm hài hòa giữa phát triển và bảo vệ hệ sinh thái. Điều này bao gồm những nội dung: Sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo; Hạn chế làm suy giảm khả năng tái tạo của hệ sinh thái; Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tầng ozone; Giảm thiểu phát thải khí nhà kính; Giảm thiểu xả rác và chất thải ra môi trường.

* Học viện Tài chính; email: ngohaianh@hvtc.edu.vn

2. Bối cảnh hiện tại về chính sách thuế ở Việt Nam phục vụ mục tiêu phát triển bền vững

Trong thời gian qua, Việt Nam đã xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và ban hành các chính sách khá đồng bộ cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có các luật và chính sách thuế. Cụ thể:

Một là, thuế bảo vệ môi trường (BVMT), đây là công cụ quan trọng nhằm mục đích giảm thiểu tiêu thụ các sản phẩm có hại với môi trường và khuyến khích sử dụng tài nguyên bền vững. Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 29/11/2010 đưa ra các quy định đánh thuế vào những sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể trong xã hội. Luật nêu cụ thể đánh thuế đối với các chất gây ô nhiễm, bao gồm nhiên liệu (xăng, dầu, mỡ nhờn, than đá), hóa chất, túi nilon và thuốc trừ sâu. Trong đó, túi nilon là yếu tố gây ô nhiễm đất và nguồn nước nghiêm trọng, gây hại đến sức khỏe con người và hệ sinh thái, gây khó khăn cho các hoạt động kinh tế, đang được áp dụng mức thuế tuyệt đối là 50.000đ/đơn vị hàng hóa, theo quy định mới nhất tại Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14. Bên cạnh đó, Luật Thuế BVMT cũng bao gồm các quy tắc đối với chủ thể khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường, đồng thời nêu rõ chế tài xử phạt yêu cầu các chủ thể có ý thức và trách nhiệm với môi trường. Những quy định và chính sách thuế BVMT không chỉ mục đích huy động thêm nguồn lực cho Ngân sách nhà nước, phục vụ khôi phục môi trường sinh thái, mà còn góp phần thay đổi nhận thức của con người đối với môi trường, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm bớt các tác động tiêu cực của sản xuất, tiêu dùng đến môi trường.

Hai là, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) có vai trò định hướng hành vi sản xuất, tiêu dùng theo hướng bền vững hơn về kinh tế, xã hội và môi trường. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (2008, sửa đổi 2016) đang được áp dụng đến hết 21/12/2025. Luật quy định thuế suất cao với rượu, bia, thuốc lá nhằm hạn chế tiêu dùng những mặt hàng không có lợi cho sức khỏe cộng đồng và khuyến khích sản phẩm thân thiện môi trường. Cụ thể: Thuế suất đối với thuốc lá hiện là 75% và với rượu, bia hiện là 65%; Các sản phẩm ít gây hại đến môi trường như xăng sinh học có thuế suất thấp hơn xăng khoáng (thuế suất xăng E5 là 8%, thuế suất xăng E10 là 7%, trong khi đó thuế suất xăng khoáng là 10%); Nhóm hàng hóa, dịch vụ cao cấp hoặc sử dụng nhiên liệu không tái tạo được áp dụng thuế suất cao; Kinh doanh dịch vụ sòng bạc và trò chơi điện tử có thường thuế suất 35%; kinh doanh vũ trường thuế suất 40%; Kinh doanh massage, karaoke, đặt cược thuế suất 30%,... Đồng thời, Luật quy định mức thuế suất thấp đối với xe ô tô thân thiện môi trường để góp phần giảm phát

thải khí nhà kính, khuyến khích phát triển dòng xe dung tích nhỏ, thúc đẩy việc sử dụng các dòng xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường. Sắp tới, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026 bổ sung thêm quy định đối với nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia có hàm lượng đường trên 5g/100ml áp dụng thuế suất 8% từ 01/01/2027 và 10% từ 01/01/2028, đây cũng là hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người và cần hạn chế tiêu thụ. Những lộ trình tăng thuế suất đối với thuốc lá, xì gà, rượu, bia cũng được xây dựng cụ thể từng mức tăng theo từng năm từ 2027 đến 2031. Như vậy, các quy định trong Luật Thuế TTĐB góp phần định hướng hạn chế tiêu dùng những hàng hóa dịch vụ có hại cho sức khỏe và đời sống, hạn chế nguy cơ gia tăng tệ nạn xã hội. Hơn nữa, Luật có vai trò trong việc bảo đảm công bằng xã hội, điều tiết bớt những dịch vụ và hàng hóa xa xỉ không phải là yếu tố thiết yếu cho cuộc sống và chỉ dành cho người có thu nhập cao hưởng thụ. Cuối cùng, Luật đem lại hiệu quả trong việc hạn chế sử dụng nhiên liệu không thể tái tạo và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường.

Ba là, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), đây cũng là đòn bẩy chính sách thúc đẩy phát triển bền vững. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 áp dụng từ 01/10/2025, đã cập nhật thêm nhiều quy định ưu đãi thuế và miễn thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực ưu tiên. Luật quy định ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ: Sản xuất ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo; Sản xuất sản phẩm phần mềm; Sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng, Sản xuất chip bán dẫn; Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cung cấp điện, nước, đường bộ, đường sắt, hàng không, hàng hải; Sản xuất vật liệu xây dựng nhẹ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch,... Đối với doanh nghiệp có doanh thu từ các hoạt động sau được áp dụng thuế suất 10%: Trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng; Bảo quản nông sản, thủy sản; Xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, một số trường hợp được miễn thuế TNDN là thu nhập từ: Tiền lãi trái phiếu xanh, Chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải và tín chỉ carbon; Thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số; Hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật,... Như vậy, những ưu đãi trong Luật Thuế TNDN năm 2025 sẽ khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển nhân lực và tạo thêm việc làm, hướng dòng vốn đầu tư vào các ngành ít phát thải.

3. Những hạn chế còn tồn tại

Mặc dù những chính sách và pháp luật về thuế đã đem lại những ý nghĩa nhất định cho kinh tế - xã hội,

tuy nhiên, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, chính sách thuế của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được cải thiện:

Thứ nhất, những quy định về thuế bảo vệ môi trường vẫn chưa bao phủ được các đối tượng gây ô nhiễm. Thuế mới tập trung vào một số sản phẩm đầu vào như xăng, dầu, than, túi nilon, trên thực tế có nhiều loại chất thải, hóa chất, sản phẩm tiêu dùng mà việc sử dụng chúng có khả năng gây ô nhiễm môi trường, nhưng chưa được đưa vào diện điều chỉnh của Luật Thuế BVMT. Ví dụ: Khí thải công nghiệp, chăn nuôi, xây dựng, chất thải phóng xạ, các loại hóa chất, đồ điện tử, cao su,...

Thứ hai, mức thuế bảo vệ môi trường hiện nay chưa phản ánh đúng mức độ gây ô nhiễm của từng loại nhiên liệu. Dữ liệu của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA, 2022) cho thấy than đá chiếm hơn 60% lượng phát thải CO₂ ở Việt Nam, song mức thuế đối với than lại thấp hơn rất nhiều so với xăng dầu. Điều này làm giảm hiệu quả điều tiết môi trường của các chính sách thuế.

Thứ ba, những quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được tăng cường kết hợp với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và ban hành chính sách khác để khuyến khích sản xuất, phát triển công nghệ sạch, đầu tư cho hạ tầng xanh..., như vậy chỉ tăng thuế không đủ để dịch chuyển nền kinh tế theo hướng bền vững. Ví dụ: Đánh thuế cao với xe động cơ đốt trong để khuyến khích xe điện, trong khi hệ thống sạc điện còn hạn chế, chi phí mua xe và thuê pin cao, chính sách ưu đãi cho xe điện chưa mạnh, hệ thống phòng cháy chữa cháy ở một số địa điểm để xe chưa bảo đảm an toàn,... thì người dân chưa nhìn thấy rõ lợi ích để đồng lòng ra quyết định thay đổi phương tiện, như vậy mục tiêu chuyển đổi trở nên khó thực hiện.

Thứ tư, Luật Thuế TTĐB năm 2025 đã mở rộng đối tượng chịu thuế và cụ thể hóa lộ trình tăng thuế. Tuy nhiên, vẫn còn một số hàng hóa có hại cho sức khỏe và môi trường chưa được tính đến là đối tượng chịu thuế, chẳng hạn những sản phẩm dùng một lần làm từ nhựa và giấy có quá trình sản xuất tốn nhiều nước và hóa chất, tạo ra khí thải, sau khi sử dụng trở thành chất thải rắn ô nhiễm đất và nước. Bên cạnh đó, lộ trình thực hiện tăng thuế từ 2027 trở đi, như vậy vẫn có khoảng trống thời gian và có thể làm giảm tính hiệu lực ngay lập tức của chính sách trong việc thúc đẩy tiêu dùng xanh, lành mạnh.

Thứ năm, việc mở rộng đối tượng chịu thuế và thay đổi biểu thuế mới có thể gây khó khăn và giảm lợi nhuận của một bộ phận sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ các mặt hàng chịu thuế. Điều này dẫn đến nguy cơ xảy ra các hành vi chống đối, như: Trốn thuế, gian lận, buôn lậu hàng hóa chịu thuế.

4. Khuyến nghị của tác giả về hoàn thiện chính sách thuế phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn nêu trên, tác giả khuyến nghị một số giải pháp góp phần hoàn thiện chính sách thuế trong thời gian tới để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm:

Một là, nghiên cứu thêm và mở rộng quy định về đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, để bảo đảm hiệu quả bao phủ, tính đầy đủ và chi tiết về các yếu tố gây hại cho môi trường cần đưa vào diện chịu thuế, vận dụng đúng nguyên tắc người gây ô nhiễm trả tiền.

Hai là, rà soát, tính toán, đánh giá mức độ gây ô nhiễm của các hàng hóa chịu thuế để xây dựng mức thuế suất bảo đảm phù hợp với từng hàng hóa, tương ứng với mức độ gây ô nhiễm của hàng hóa. Việc quy định các mức thuế suất cụ thể phải dựa trên các căn cứ khoa học nhằm chứng minh các mức thuế suất này được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hóa. Do đó, cần xây dựng cơ chế và hệ thống đánh giá tác động định kỳ giữa mức thuế thu được và kết quả giảm phát thải, từ đó điều chỉnh linh hoạt theo hiệu quả môi trường sẽ phát huy tối đa vai trò của thuế bảo vệ môi trường.

Ba là, hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các phương tiện giao thông chạy điện, kết hợp với việc bổ sung một số chính sách ưu đãi khi kinh doanh và sử dụng các phương tiện đó, để việc áp dụng các chính sách thuế đối với nhiên liệu hóa thạch được áp dụng hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, các sản phẩm có đầu vào sử dụng xăng, dầu, than cần được cân nhắc áp dụng biểu thuế lũy tiến dựa trên lượng phát thải, dung tích động cơ, hoặc tiêu chuẩn năng lượng thay vì chỉ dựa trên loại sản phẩm.

Bốn là, cân nhắc về việc bổ sung sản phẩm dùng một lần làm từ nhựa và giấy vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Đồng thời bổ sung ưu đãi thuế cho sản phẩm làm từ nguyên liệu phân hủy sinh học.

Năm là, để tránh thất thu ngân sách, làm méo mó thị trường và cản trở mục tiêu phát triển bền vững, cơ quan thuế cần kết hợp giữa pháp lý chặt chẽ, công nghệ hiện đại và thông tin minh bạch trong hoạt động tuyên truyền chính sách thuế, quản lý và giám sát thuế. Lường trước các kịch bản trốn thuế và các hành vi gian lận khác có thể xảy ra để ngăn chặn và có chế tài xử phạt thích đáng.

Tài liệu tham khảo:

- Quốc hội (2010), Luật Thuế bảo vệ môi trường;
Quốc hội (2008, 2025), Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;
Quốc hội (2025), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Bộ Y tế (2023), Báo cáo quốc gia về sử dụng rượu bia tại Việt Nam;
Nguyễn Quang Thái, Ngô Thắng Lợi (2007), Phát triển bền vững ở Việt Nam: Thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng, NXB Lao động - xã hội;
Vũ Văn Hiến (2014), Phát triển bền vững ở Việt Nam, Tập chí cộng sản, số tháng 1-2014;
Nguyễn Thị Hải Bình (2023), Chính sách thuế xanh nhằm phát triển bền vững, Tạp chí tài chính, tháng 7/2023;
IEA (2022), CO₂ Emissions from Fuel Combustion Highlights.